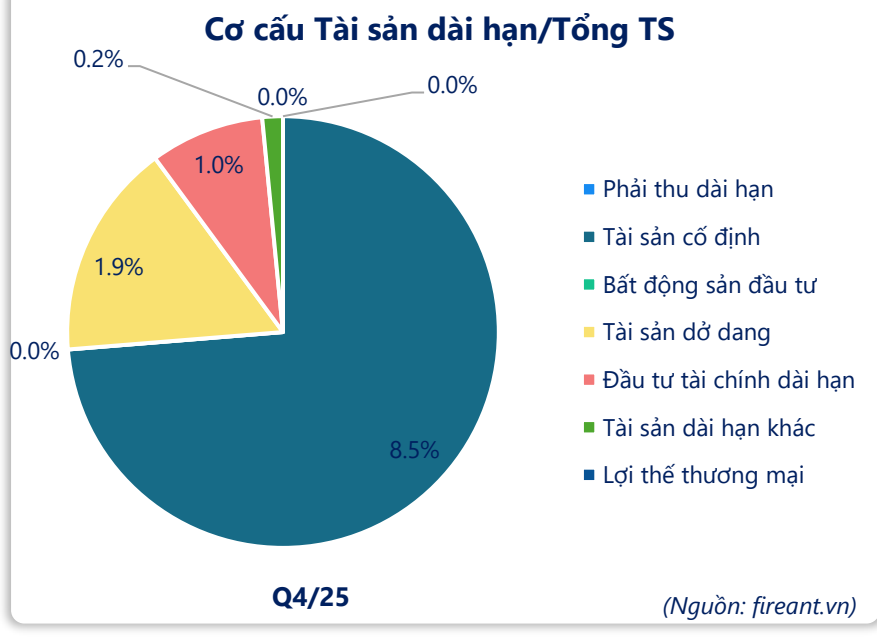
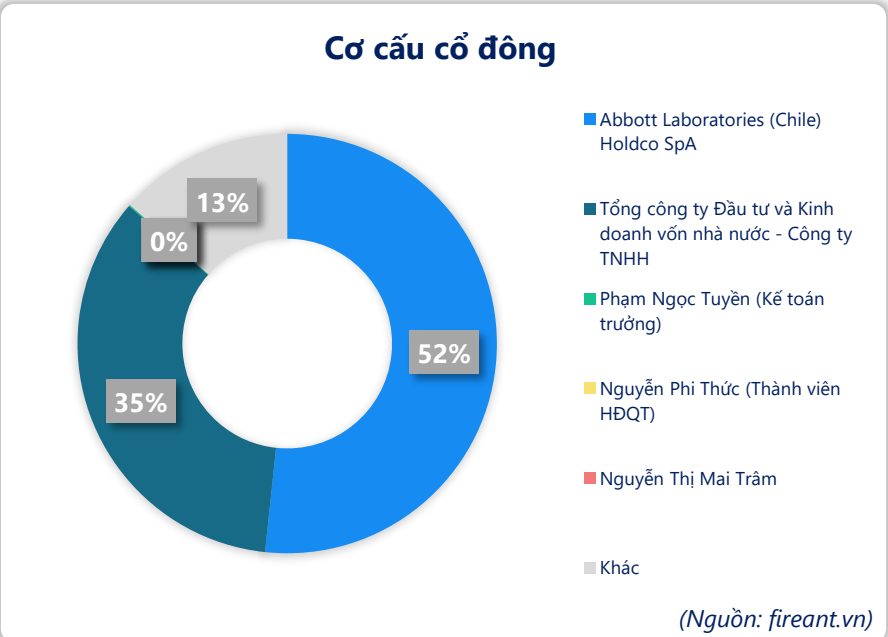
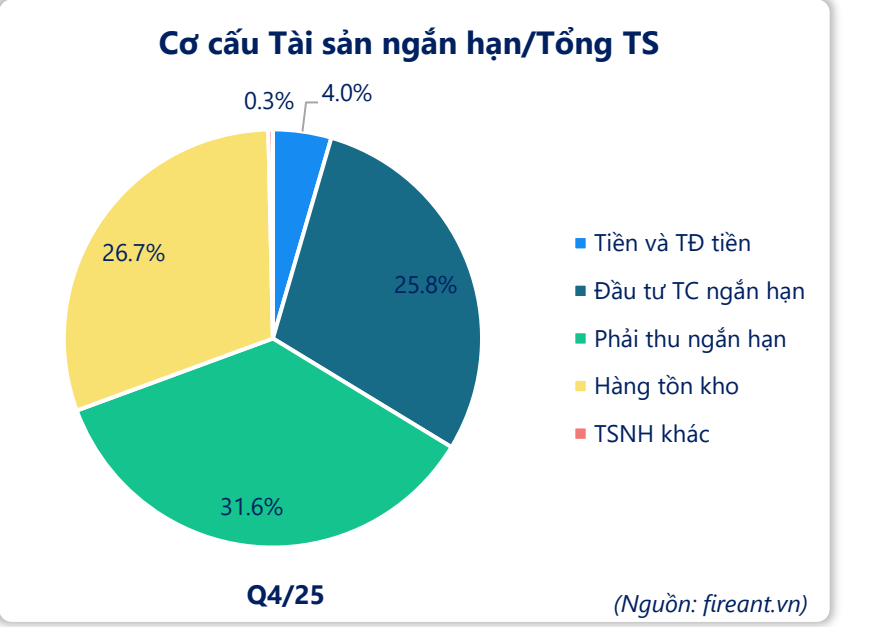
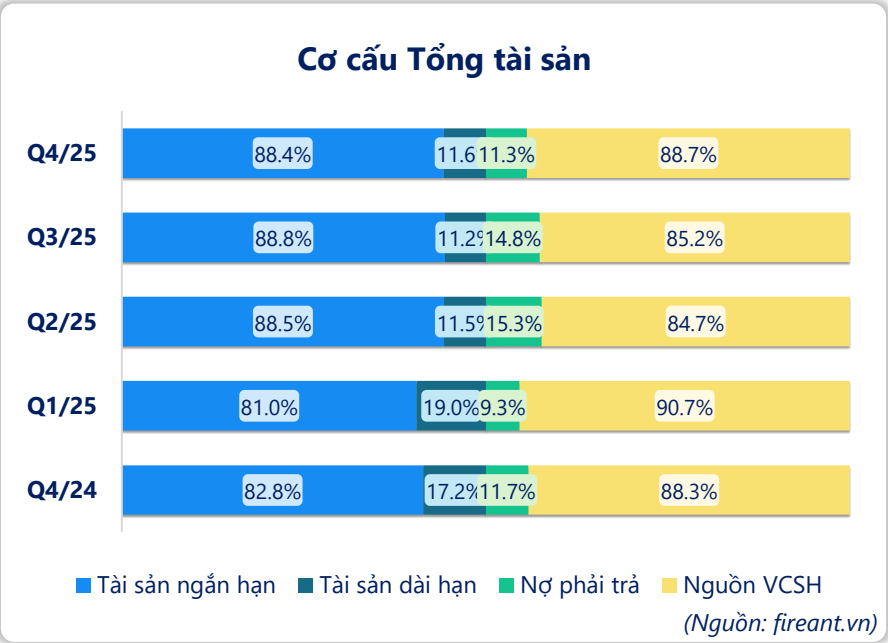
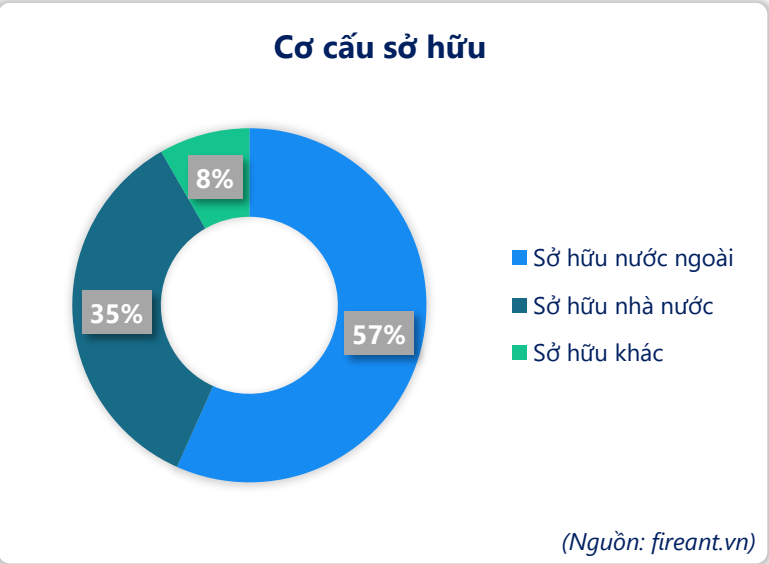
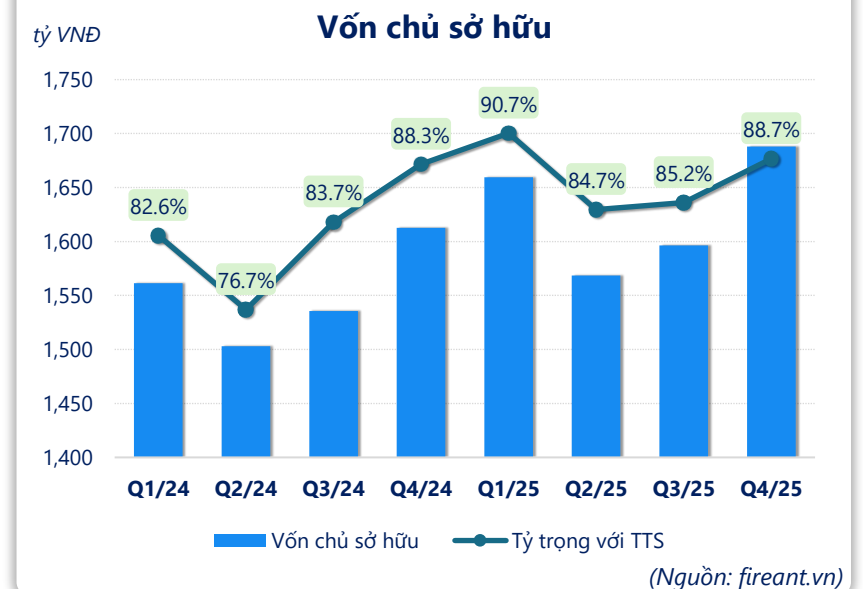
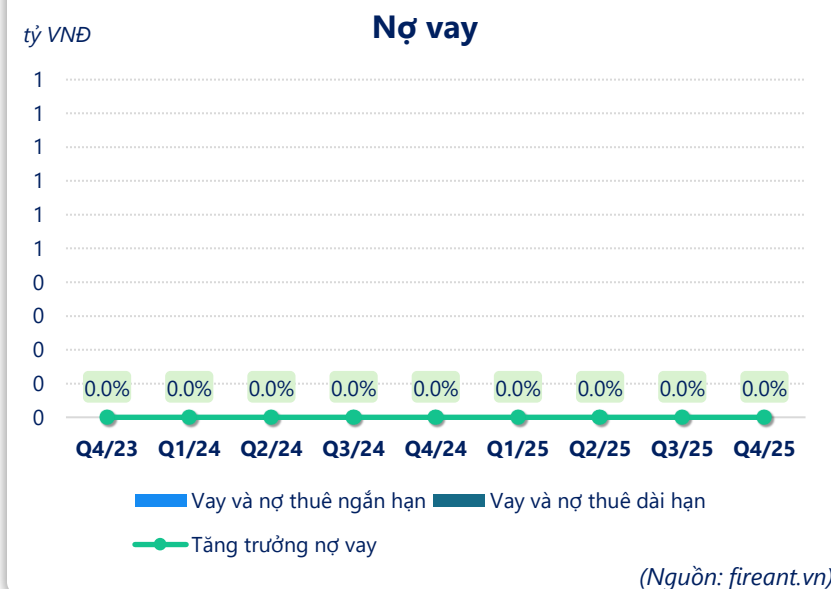
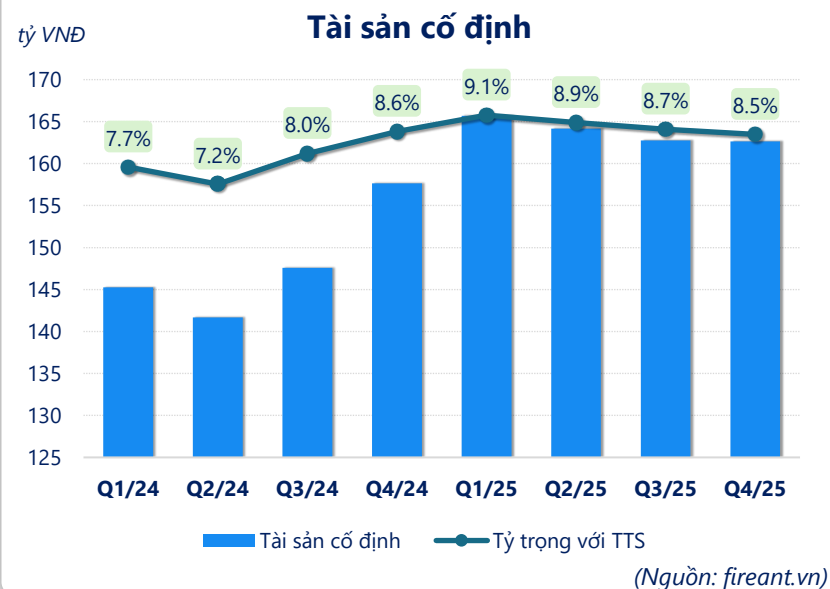
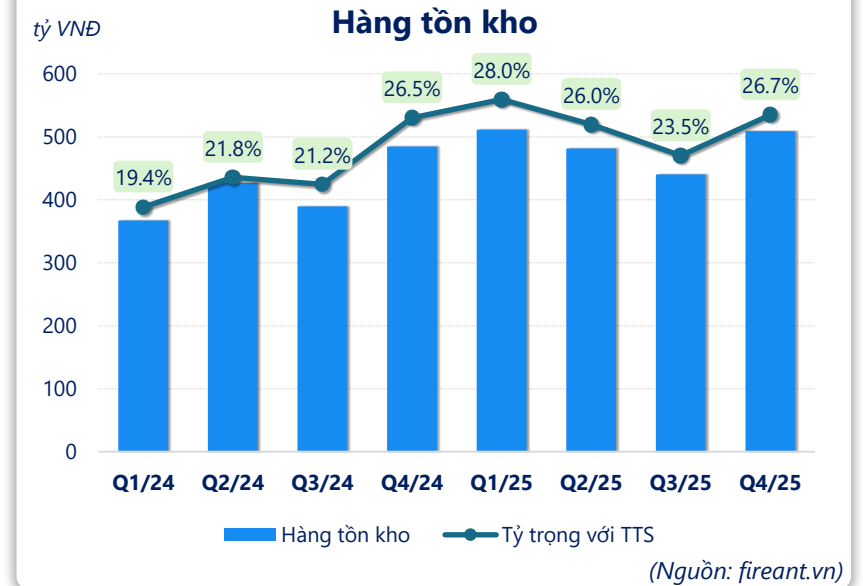
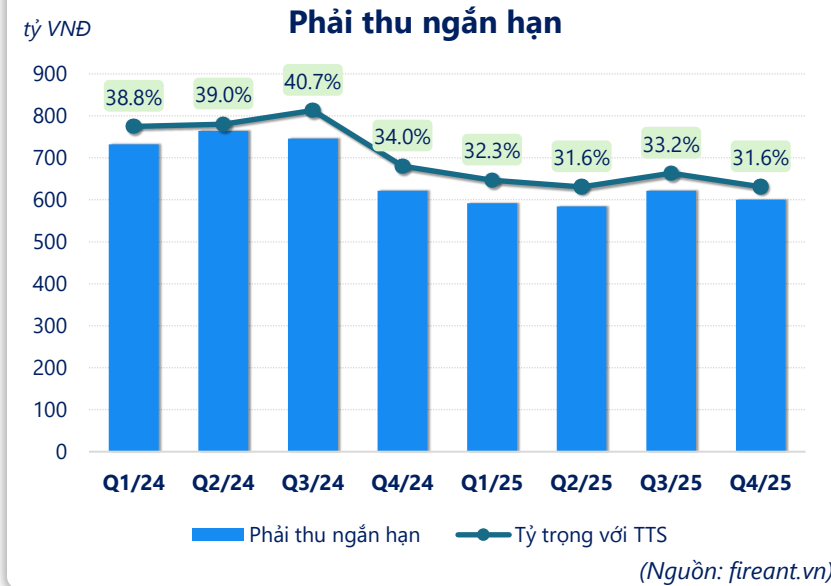
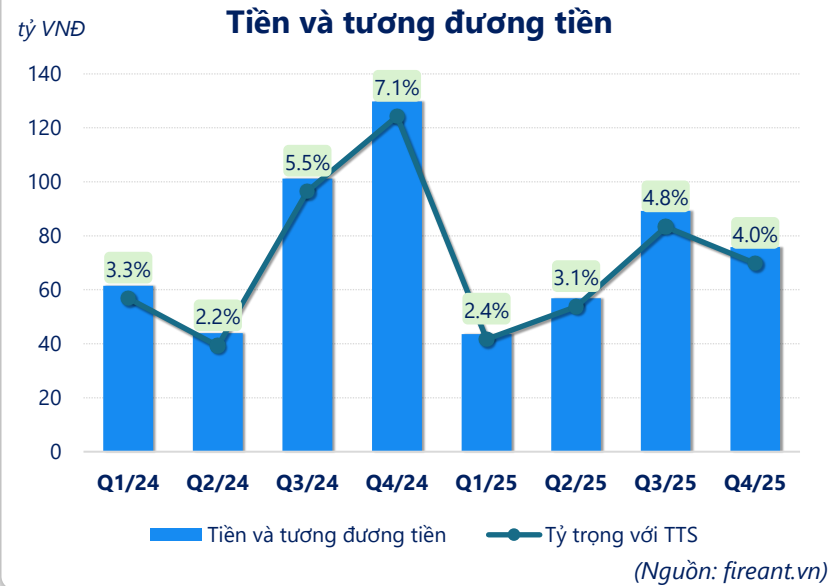
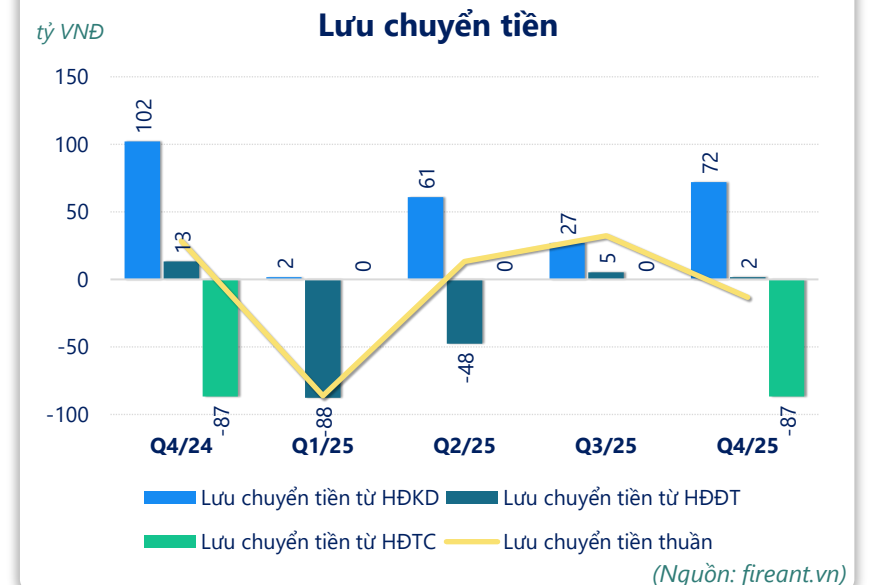
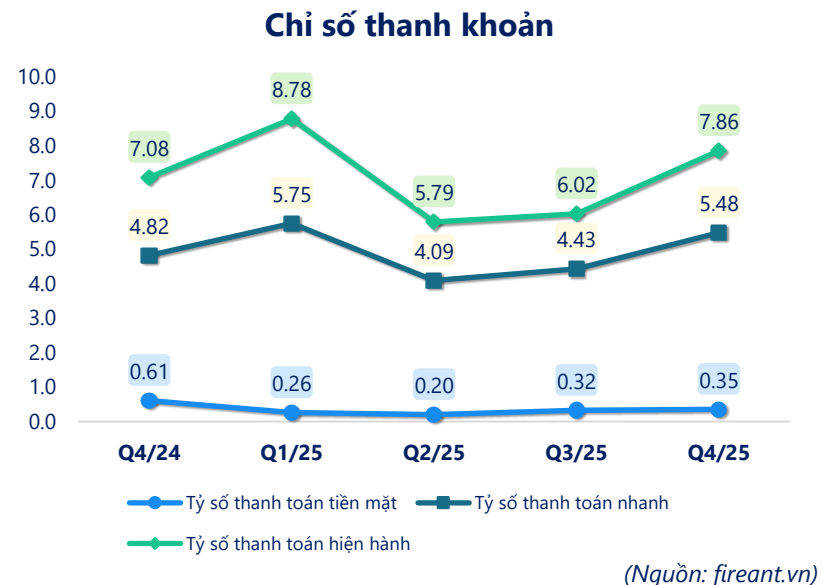
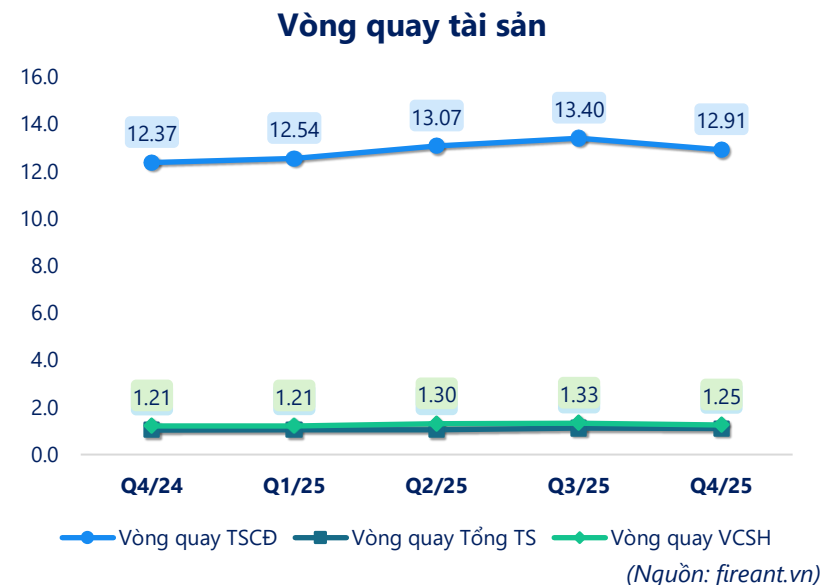
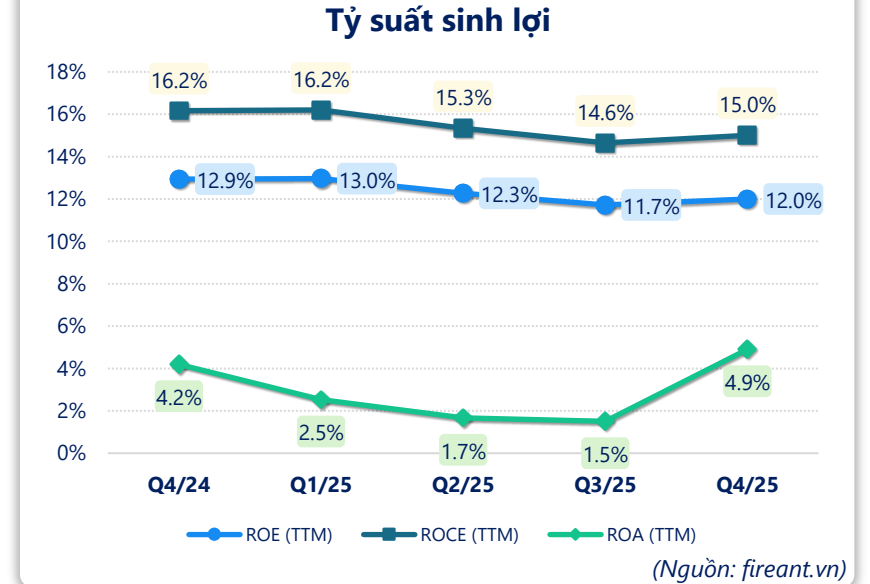
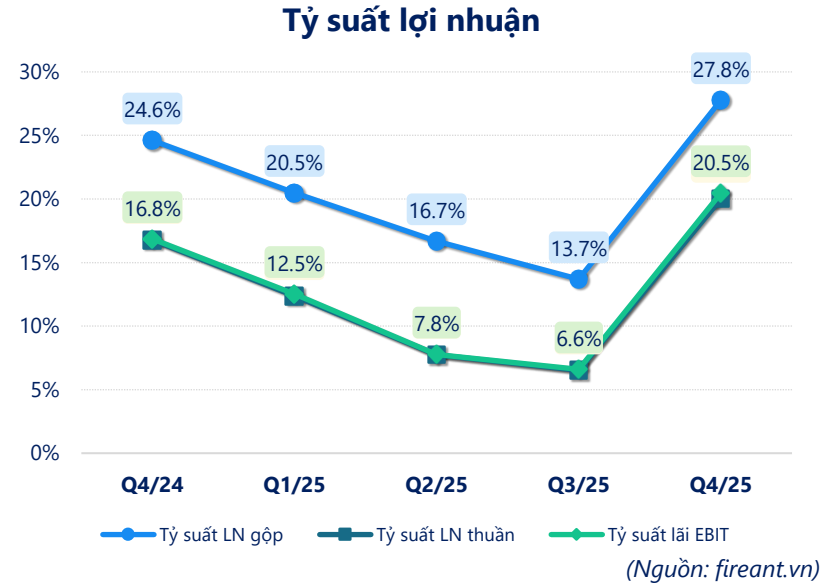
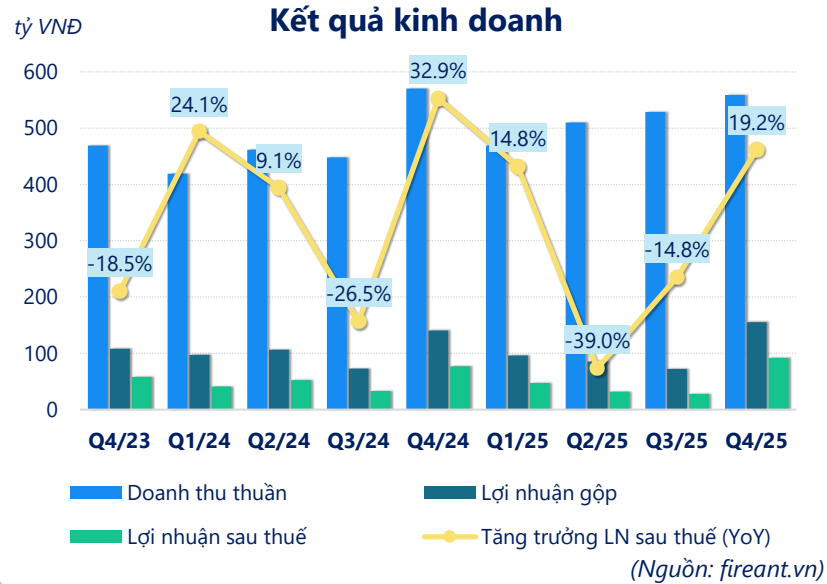


Thông tin giao dịch		31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		59,700
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		79,827
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		51,743
SL cổ phiếu LH		34,727,465
KLGD BQ 20 phiên (CP)		1,215
% sở hữu nước ngoài		56.7%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		2,073
P/E		10.5
EPS		5,702

	YTD	1T	3T	6T
DMC	-15.3%	0.3%	-2.6%	-0.2%
VNINDEX	40.5%	2.7%	5.9%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	1,902	1,841	3.4%
Tài sản ngắn hạn	1,682	1,527	10.1%
Tiền và tương đương tiền	75.8	130	-41.5%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	491	274	79.2%
Phải thu ngắn hạn	600	622	-3.5%
Hàng tồn kho	509	494	3.0%
Tài sản ngắn hạn khác	5.95	7.01	-15.2%
Tài sản dài hạn	221	313	-29.6%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	163	158	3.2%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	35.7	24.7	44.6%
Đầu tư tài chính dài hạn	18.9	128	-85.3%
Tài sản dài hạn khác	3.40	2.65	28.4%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	215	228	-5.9%
Nợ ngắn hạn	214	228	-6.0%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	140	161	-13.3%
Nợ dài hạn	0.58	0.46	26.5%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	1,688	1,613	4.7%
Vốn chủ sở hữu	1,688	1,613	4.7%
Vốn điều lệ	347	347	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần	571	469	510	529	559
Giá vốn hàng bán	430	373	425	456	404
Lợi nhuận gộp	140	96.1	85.1	72.4	155
Doanh thu HĐTC	3.29	11.8	2.24	8.34	7.51
Chi phí TC	1.19	1.18	3.60	0.80	0.99
Chi phí lãi vay	0	0	0	0	0.09
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	27.4	28.1	25.3	25.8	29.8
Chi phí QLDN	19.4	20.5	19.0	19.7	20.1
LN thuần từ HĐKD	95.7	58.0	39.5	34.5	112
Lợi nhuận khác	0.38	0.78	0.17	0.44	2.39
LN trước thuế	96.1	58.8	39.7	34.9	114
Lợi nhuận sau thuế	76.9	47.0	31.7	27.9	91.4
LNST của CĐ cty mẹ	76.9	47.0	31.7	27.9	91.4

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	102	1.57	60.8	27.0	71.9
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	13.1	-87.7	-47.5	5.29	1.57
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-86.8	0	0	0	-86.8
Tiền đầu kỳ	101	130	43.6	56.9	89.2
Lưu chuyển tiền thuần	28.5	-86.2	13.3	32.3	-13.3
Ảnh hưởng tỷ giá	0.00	0	0	0	-0.01
Tiền cuối kỳ	130	43.6	56.9	89.2	75.8

(Nguồn: fireant.vn)